

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HS-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tùng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thị Hương và ông Lê Quang Chính

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2022/TLST-HS ngày 15-11-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

**1. Phạm Văn S** - Sinh ngày: 21-9-1990, tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã N, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; cha: Phạm Văn N - Sinh năm: 1955; mẹ: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1958; Vợ, con chưa có.

- Tiền án:

Bản án số 31/2013/HSST ngày 13-6-2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 47/2013/HSST ngày 23-8-2013 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 15 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ”. Tổng hợp

hình phạt 02 năm tù của bản án số 31/2013/HSST ngày 13-6-2013, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 03 tháng tù.

Bản án số 22/2013/HSST ngày 09-9-2013 của Toà án nhân dân huyện N2, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 32/2014/HSST ngày 28-02-2014 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 47/2013/HSST ngày 23-8-2013 của Toà án nhân dân huyện N, buộc Phạm Văn S chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 năm 03 tháng tù.

- Tiền sự: Ngày 22-01-2022 bị Toà án nhân dân huyện N1, tỉnh Ninh Thuận áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quyết định số 02/2022/QĐ-TA.

- Nhân thân:

Ngày 20-6-2005 bị Toà án nhân dân thị xã P xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp tài sản” tại Bản án số 26/2005/HSST.

Ngày 22-10-2008 bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 61/2008/HSST.

Ngày 27-8-2009 bị Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 51/2009/HSPT ngày 27/8/2009.

Ngày 22-4-2011 bị Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 18 tháng tù giam, về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 28/2011/HSST.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P trong một vụ án khác – Có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Thị L** - Sinh ngày: 09-02-1995, tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn P, xã M, huyện N1, tỉnh Ninh Thuận;Chỗ ở hiện nay: khu phố 5, phường Đạo Long, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12 Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; cha: Nguyễn Thành T -Sinh năm: 1932 (chết); mẹ: Lê Thị N - Sinh năm: 1962; Chồng: Nguyễn Trọng T - Sinh năm: 1991, có 04 người lớn nhất sinh năm: 2015, nhỏ nhất sinh năm: 2022;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

Ngày 07-12-2010 bị Công an phường T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản hình thức cảnh cáo.

Ngày 16-9-2016 bị Công an thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 23-6-2022 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 03 tháng tù giam, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 85/2022/HSST ngày 23-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị cáo Nguyễn Thị L hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương – Có mặt tại phiên tòa.

\* *Bị hại*: chị Huỳnh Thị H – Sinh năm: 1995 và anh Dương Ngọc Huy M – Sinh năm: 1984; địa chỉ: P, P, N, Ninh Thuận. Vắng mặt tại phiên tòa.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: anh Võ Ngọc L – Sinh năm: 1985; địa chỉ: N, P, N, Ninh Thuận. Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23-4-2022 Phạm Văn S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter mượn của một người tên Q (không rõ nhân thân lai lịch) chở Nguyễn Thị L đến Đ để lấy đồ. Do S không có bằng lái xe nên khi phát hiện thấy Cảnh sát giao thông, S đã dừng xe lại điều khiển qua khu vực đập Nha Trinh thuộc thôn P, xã P, huyện N để về thành phố P. Đến khoảng 14 giờ 45 phút S đi ngang qua nhà anh Dương Ngọc Huy M ở thôn P, xã P, huyện N, thấy nhà anh M không đóng cửa, S dùng xe lại bảo L đứng ngoài trông xe và canh người qua lại, S vào nhà xem có tài sản gì không để chiếm đoạt. Khi vào nhà, S thấy vợ anh M là chị Huỳnh Thị H đang ngủ trên võng, bên cạnh để 01 điện thoại Oppo Remo 2 bên trong ốp lưng kẹp 02 tờ tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng. Lợi dụng chị H đang ngủ, S đã chiếm đoạt điện thoại bỏ điện thoại và tiền vào túi quần còn ốp lưng ném xuống mương nước và điều khiển xe chở L về phòng trọ ở khu phố 5, phường Đ, thành phố P. Tại phòng trọ S lấy điện thoại ra xóa dữ liệu trong điện thoại rồi đưa cho L cất giấu, đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24-4-2022 S chở L

mang điện thoại trên đến bán cho anh Võ Ngọc L với giá 2.600.000 đồng và tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 29-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện N kết luận điện thoại Oppo Reno 2, màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.192.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Văn S và Nguyễn Thị L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 61/CT-VKS-HS ngày 09-11-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố Phạm Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Ngoài ra Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và nghĩa vụ chịu án phí đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nội dung vụ án:

[2.1]. Các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 23-4-2022, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại Oppo Reno 2 màu xanh, trong ốp lưng điện thoại có hai tờ tiền 10.000 đồng của của vợ chồng ông Trương Ngọc Huy M và bà Huỳnh Thị H ở thôn P, xã P, N, Ninh Thuận đến ngày 24-4-2022 bán cho anh Võ Ngọc L được 2.600.000 đồng, tiêu dùng cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 29-4-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận điện thoại Oppo Reno 2, màu xanh tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 7.192.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được xác định là: 7.192.000 đồng + 20.000 đồng = 7.212.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo S: Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý. Nên viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo S phạm tội theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo L: Trị giá tài sản chiếm đoạt là 7.212.000 đồng Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2.2]. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo L khi phạm tội là phụ nữ có thai nên được áp

dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[2.3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định hình phạt như sau: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó S có vai trò chủ yếu hơn, trực tiếp chiếm đoạt tài sản, L có vai trò là người giúp sức.

Đối với bị cáo S: bị cáo đã bị xét xử nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, phạm tội với tính tiết định khung là tái phạm nguy hiểm nên cần thiết phải phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách L bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng ngăn ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đối với bị cáo L: bị cáo có nhân thân xấu, nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng trở thành công dân tốt có ích cho xã hội lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý. Xét cần thiết phải phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách L bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật, các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng ngăn ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm. Ngày 23-6-2022 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm kết án 03 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 85/2022/HSST, bị cáo chưa chấp hành hình phạt của bản án nên sẽ được tổng hợp theo quy định khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[2.4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[2.5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc Lâm khi mua tài sản không biết được tài sản do S và L trộm cắp được mà có nên cơ quan Điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ. Anh L có yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền 2.600.000 đồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đồng ý trả lại cho anh L nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do các bị cáo cùng tiêu dùng chung số tiền này và đã tiêu dùng hết nên mỗi bị cáo phải trả lại cho anh L số tiền là 1.300.000 đồng.

[2.6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, do các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường trước khi Tòa án mở phiên tòa nên không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S và Nguyễn Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, n khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng: khoản 1 Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 85/2022/HSST ngày 23-6-2022 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

\* Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải trả lại cho anh Võ Ngọc Lâm số tiền 1.300.000 đồng (một triệu ba trăm nghìn đồng).

\* Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, f khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc các bị cáo Phạm Văn S, Nguyễn Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

\* Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30-12-2022); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Tùng**